

Tự Truyện  
Chủ đề: Biệt Kích Quân  
Tác giả: Nguyễn Văn Hình

## BIỆT KÍCH MIỀN NAM

**Lời Tác giả:** “Tôi tên Hình, được anh em ưu ái tặng cho biệt hiệu “Hình Nổ” là vì hai lý do:

– Trước hết, tôi chuyên môn gài chất nổ để phá hoại.

– Sau nữa, tôi đã dám... Nổ vào mặt bọn cán bộ tuyên truyền của Việt cộng. Bọn chúng tuyên truyền nói dóc với chúng tôi, chúng nổ những chuyện không ai tin nổi, làm cho tôi nổi cơn, tôi... nói dóc lại cho chúng nghe, nổ lại chúng bằng chính những câu nói dóc mà chúng nói với chúng tôi, làm anh em Biệt Kích cười nôn ruột, từ đó, họ đặt cho tôi cái tên... Hình NỔ.” –(Biệt Kích Quân Nguyễn Văn Hình, Melbourne)



Năm 1959, Miền Nam Việt Nam đang ở vào thời kỳ cực thịnh của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp, chiến tranh là một điều còn xa xôi lắm.

Lúc đó, tôi đang học lớp Đệ Nhị, sửa soạn thi kỳ thi “Tú Tài I”. Chưa thi, tôi đã vẽ ra cái vinh quang của người học sinh thi đậu bằng “Bắc Oong – Baccalauréat Première Partie”, oai phong lắm liệt bước lên học lớp Đệ Nhất, năm sau thi “Tú Tài II – Baccalauréat Deuxième Partie”. Có bằng “Bắc Đơ” rồi là cứ ung dung ghi tên vào thẳng Viện Đại Học Sài Gòn, tự chọn phân khoa mình ưa thích: Y, Nha, Dược, Kiến Trúc, Kỹ thuật, Luật, Văn Khoa... mà không phải qua bất cứ kỳ thi nào cả.

Vì cái viễn ảnh tươi đẹp đó, tôi cứ nghĩ rằng tôi sẽ đậu kỳ thi cuối năm. Số mình đậu, chắc chắn sẽ đậu, không cần phải cố gắng chi cho nhiều. Rủi thay, tôi lại... thi rớt. Vào thời đó, chưa có lệnh... Tổng động viên, nên tôi cứ tàn tàn học lại chờ thi khoá 2. Số

mạng của tôi là miệt mài khoa cử, nhưng lại khác mọi người: Khoa cử của tôi không về các nghề nghiệp dân sự, mà lại khoa cử về... binh nghiệp.

Một hôm, trong khi tôi đang ngồi chăm chỉ học bài thi, thì người anh họ (học cùng lớp) của tôi đến chơi. Đợi lúc không có ai, anh ghé tai tôi nói nhỏ:

“Tao... tình nguyện đi học khoá Hạ Sĩ Quan Đồng Đé, vừa thoả mãn đời trai tang bồng hồ thi, vừa có tí tiền xài”.

Tôi thắc mắc:

“Anh không lo học để mà thi lại bằng Tú Tài Một à?”

“Đi lính trước đã, khi ra đơn vị rồi, nộp đơn xin về đi thi. Bộ Quốc Phòng và Bộ Giáo Dục đồng ý năng đỡ những quân nhân có tinh thần học hỏi, nên cho thêm điểm, dễ đậu lắm.”

Tôi nghe bùi tai, xin cha mẹ cho đi lính.

Học căn bản quân sự ở Trung Tâm Huấn Luyện “Quang Trung” ba tháng, đến khoảng tháng 9 năm 1959, chúng tôi khoác ba lô đi ra Nha Trang để học khoá “Trần Bình Trọng” ở Trường Hạ sĩ Quan Đồng Đé (lâu quá rồi, tôi không nhớ rõ tên khoá học, nên tên này có thể đúng, và cũng có thể sai). Gần mãn khoá học, các binh chủng quân đội, như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Thiết Giáp, Pháo Binh... đều cử phái đoàn đến để giới thiệu binh chủng của mình và cũng để tuyển mộ tân binh. Tôi đang đứng sớ rớ thì gặp thầy giáo đầu đời bậc Tiểu Học của tôi là Thầy Khai Tâm. Thầy đã không còn tiếp tục dạy học nữa, mà mang lon trung úy, mặc bộ quân phục Nhảy Dù, đội mũ bê rê đỏ chói, làm trưởng toán tuyển mộ của “Lữ Đoàn Nhảy Dù”. Thầy hỏi tôi:

“Em có muốn đi lính... Thiên Thần Mũ Đỏ hay không?”

Thôi thì thầy đi đâu trò theo tới đó, tôi đặt bút ký tình nguyện gia nhập Binh Chủng Nhảy Dù.

Học xong khoá huấn luyện nhảy dù, tôi được bổ xung cho Tiểu Đoàn 5 do Đại úy Phạm Xuân Soạn làm Tiểu Đoàn Trưởng. Sau vài tháng mưa nắng chiến trường, là tới kỳ thi Tú Tài I, do tôi đã nộp đơn từ trước, nên được cho một tuần lễ nghỉ phép để về Sài Gòn dự thi. May mắn đã đến, tôi được chấm đậu.

Đại úy Soạn ký giấy cho tôi đi học khoá 3 sĩ quan đặc biệt, cũng tại trung tâm huấn luyện Đồng Đé, Nha Trang.

Mãn khóa học, tôi được gắn lon chuẩn úy, nhưng Sự Vụ Lệnh cấp cho tôi lại không trở về Nhảy Dù, mà lại về phục vụ cho Lực Lượng Đặc Biệt, trực thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống. Tuần lễ đầu, tôi được đặc biệt cho hưởng nhân, đi tới đi lui trong doanh trại ở Đại Lộ Thống Nhất, gặp và làm quen với những Biệt kích quân khác, mà đa số là đồng thân, trẻ tuổi và... theo đạo Công Giáo.

Suốt một năm trời sau đó, tôi được đưa đi học đủ thứ khóa học của Biệt Kích. Vì đã có bằng Nhảy Dù rồi, tôi chỉ học thêm những môn học sau đây: Tinh Báo, Truyền Tin, Khai Thác Mật Mã, Phá Hoại, Tác Chiến và Mưu Sinh Thoát Hiểm...

Đầu năm 1962, tôi mãn khóa học để chính thức trở thành một Biệt Kích Quân. Chuyến hành quân đầu tiên của tôi là:

Đổ bộ vào Hà Tĩnh, theo dõi tình hình và... bắt cóc một người lính Bắc Việt, đem về hậu cứ để khắc thác thêm.

Đêm tối đen còn hơn mực, tôi được một giang đĩnh của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (cải trang thành một thuyền đánh cá của ngư dân vùng Hà Tĩnh) đưa vào gần bờ biển. Từ đó, tôi một mình một bóng bơi vào bờ, đem theo trong mình giấy tùy thân của một ngư dân Hà Tĩnh, một bức thư liên lạc, một máy truyền tin và khẩu súng lục Browning.

Vào bờ, tôi liên lạc với điệp viên gài sẵn của Biệt Kích, bằng cách đem bức thư liên lạc đến bỏ tại “Hộp Thư Chết”. Đó là một địa điểm do điệp viên của chúng ta tại Hà Tĩnh chỉ định để nhận thư và tài liệu. Khi nhận được tài liệu, người điệp viên sẽ liên lạc trực tiếp với tổng đài để báo tin và cho địa điểm của “Hộp Thư Chết” sắp tới. Đúng giờ đã ấn định, tôi liên lạc với Tổng đài để biết sẽ phải tới đâu để nhận tài liệu. Biết được đích xác nơi phải đến để dò thám, tôi cứ tự nhiên như là người bản xứ, từ rừng đi vào thành phố Vinh, nhập vào đoàn người mà đi tới đi lui trong giới hạn mà tôi có thể di chuyển. Trong thời gian này, tôi phải chọn đối tượng để bắt cóc. Đối tượng phải là một người lính chính quy của Bắc Việt, có mặc quân phục hẳn hoi. Tôi mon men lại gần một bệnh viện của đám bộ đội, bọn chúng đi tới bệnh viện xin khám bệnh vào sáng sớm và chiều tối. Tôi theo dõi, tìm được một con mồi, đợi lúc hẵn ta đi về nhà một mình, ra tay nhanh như chớp chụp thuốc mê kéo anh ta về bãi biển đã định sẵn. Đêm đến, ghe đánh cá vào tận nơi, những anh em Biệt Kích khác phụ với tôi khiêng người tù binh lên thuyền, trực chỉ Đà Nẵng.

Sau này, tôi được biết, người tù binh đó là một thượng úy. Khi tỉnh dậy, anh ta như là lạc vào một... thế giới khác, với những người nói cùng một thứ tiếng với anh, nhưng không gian thì hoàn toàn khác hẳn với thành phố Vinh của anh. Anh đã... thực tình khai báo những gì mà anh biết về tình hình địa phương và đơn vị trực thuộc của anh.

Trở về Sài Gòn, tôi được chỉ định ở tại một ngôi nhà gọi là “Nhà An Toàn” với một số anh em khác. Đó là một ngôi nhà rất bình thường trên con đường Trần Hưng Đạo cũng rất bình thường của thành phố Sài Gòn, mà Lực Lượng Đặc Biệt sử dụng cho các toán

viên có nơi trú ngụ và dễ tập trung. Gia đình tôi vẫn ở vùng Hòa Hưng, nên tôi về đó sống tiện hơn là ở Nhà An Toàn.

Được thành thời khoảng một tuần, tôi được lệnh lên máy bay trở lại Đà Nẵng, rồi từ đó bay thẳng qua Lào, vào khu rừng núi trùng điệp, căn cứ của Biệt Kích và CIA Mỹ, nằm trong khu vực của Tượng Lào Vàng Pao. Tôi nhớ rõ là được ký tên trên giấy tờ là làm việc với tư cách Điệp Viên, không có tên tuổi, không có số quân, không đơn vị (mặc dầu về phía Việt Nam, tôi gốc lính Nhảy Dù, Biệt Kích, có số quân hẵn hoi). Sau đó, tôi được xếp toán 6 người, sẽ lên trực thăng nhảy xuống vùng biên giới Lào-Việt để xâm nhập vào Nghệ An.

Tôi chưa hề gặp và quen biết những biệt kích quân cùng toán với tôi, những cái tên mà chúng tôi được giới thiệu để gọi nhau, đều là những tên... giả. Giấy tờ tùy thân, mặc dầu là giấy... thật, có đóng dấu đỏ chót của “Khai Thác Địa Chất Miền Núi” nhưng lại do CIA cung cấp. Thời gian này, toán chúng tôi chỉ có nhiệm vụ thu thập tin tức, giữ liên lạc với những điệp viên đã được gài sẵn ở Miền Bắc mà thôi. Những tin tức này được gửi về Đà Nẵng để tìm hiểu thêm và từ đó đưa ra những kế hoạch hành quân. Ngoài những toán Biệt Kích Việt Nam, trung tâm hành quân này còn có những toán Biệt Kích của Đài Loan, họ đều lớn tuổi, khoảng từ 30 tới 45 tuổi, nhưng tinh thần chống cộng rất cao. Thời gian đầu chưa quen biết, họ nói tiếng Hoa, chúng tôi nói tiếng Việt, lúc sau, có nhiều người trong bọn họ học nói tiếng Việt, nên chúng tôi nói chuyện vui lắm.

Ở phần đầu, tôi có nhắc tới những “Điệp Viên” của chúng ta gài lại ở miền Bắc. Làm cách nào mà phòng Phản Giám của chúng ta gài được những điệp viên này?

Theo tôi được biết, vào năm 1954, trước khi quân đội Pháp rút khỏi miền Bắc, họ có tuyển một số người tình nguyện, đưa đi học một khóa tình báo ở Osaka khoảng 15 ngày, sau đó đem họ trở về sống bình thường ở khắp nơi trên lãnh thổ miền Bắc. Con số điệp viên không biết là bao nhiêu, gồm cả những điệp viên của Tượng Tượng Giới Thạch, Cộng Hòa Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Những lần ra Bắc, chúng tôi thường xuyên liên lạc với họ qua những “Hộp Thờ Chết” nhưng chưa bao giờ nhìn thấy mặt họ, và cũng không bao giờ được phép tìm hiểu họ là ai? Những điệp viên này, tùy theo nhu cầu, có thể xin phép tuyển thêm nhân viên. Họ được trả lương và cung cấp máy truyền tin mới rất đều đặn. Cho đến nay, những điệp viên này vẫn còn sống, có điều không còn ai liên lạc với họ nữa, và họ cũng chẳng còn ai để báo tin.

Thông thường, cứ khoảng ba bốn tuần, chúng tôi lại làm một chuyến công tác nhảy toán một lần, mỗi chuyến công tác kéo dài khoảng 7 ngày, có khi kéo dài cả tháng, tùy tình hình an ninh tại nơi thu thập tin tức, và nơi trực thăng bốc chúng tôi. Cuộc đời của người lính Tình Báo Biệt Kích, tuy nguy hiểm và đầy những cam go và thử thách (có đời lính nào mà không nguy hiểm và cam go hay không?), nhưng đa số những toán tình báo đều trở về đầy đủ và an toàn. Sau mỗi chuyến công tác ở miền Bắc trở về, chúng tôi được đi máy bay Hàng Không Việt Nam về Sài Gòn hoặc Đà Nẵng nghỉ phép.

Chuyến công tác dài bao nhiêu ngày thì khi về sẽ được nghỉ phép bấy nhiêu ngày. Mỗi khi đi phép, chúng tôi đều mặc thường phục và sống tại những “Nhà An Toàn” đã định sẵn, chỉ những lần đi lĩnh lương thì mới mặc quân phục mà thôi. Chúng tôi mặc quân phục của lính Nhảy Dù, đội mũ đen có gắn cánh dù tương tự như Binh Chủng Nhảy dù, nhưng kích thước lớn hơn (sau này mới đổi qua bê rê màu xanh lá cây, giống như Thủy Quân Lục Chiến). Mặc dù không có Thẻ Căn Cước Quân Nhân, nhưng chúng tôi có một Giấy Chứng Nhận với chữ ký của Đại tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực Lượng Đặc Biệt, trên đó có in tiêu đề của binh chủng, tên quân nhân, số thứ tự của giấy chứng nhận và huy hiệu cánh dù Biệt Kích. Tên trên giấy chứng nhận là tên thật của chúng tôi, và vì không có hình ảnh dán kèm, nên mỗi khi chúng tôi gặp rắc rối, Quân Cảnh chỉ còn một cách duy nhất là gọi điện thoại cho Bộ Chỉ Huy của chúng tôi để hỏi thêm chi tiết mà thôi. Tiền lương chúng tôi lãnh, là lương bình thường của người lính Việt Nam Cộng Hòa, kèm theo phụ cấp bằng Dù, Bằng Biệt Kích mà thôi. Ngoài tiền lương này, về phía Mỹ, mỗi khi nhảy toán trở về, chúng tôi lãnh thêm tiền phụ cấp của CIA, vì những tin tình báo do chúng tôi thu thập, CIA cũng đều sử dụng.

Tướng Dương Văn Minh đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm hỏi nào? Tôi hoàn toàn không biết, vì lúc đó, tôi và anh em còn ở tuốt ngoài Nghệ An lận.

Sau chuyến công tác, vào khoảng tháng cuối tháng 11 năm 1963, tôi nhận được sự vụ lệnh về trình diện Bộ chỉ huy gấp, do Đại tá Lam Sơn, Chỉ huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt ký. Được mời về một cách đặc biệt như vậy, anh em trong toán, và ngay cả tôi nữa, cũng đều cho rằng, tôi sẽ được... thăng chức, hoặc ít ra cũng được... gắn huy chương vì thành tích nhảy toán xuất sắc.

Vào phòng chỉ huy trưởng, tôi chẳng thấy huy chương, cũng chẳng thấy lon lá gì để sẵn cho tôi cả, trái lại, Đại tá Lam Sơn hỏi tôi một câu mà tôi không hề dự định:

– “Chú em là đảng viên của... Đảng Cần Lao Nhân vị, phải không?”

Tôi thất vọng, buồn bã trả lời ông:

– “Dạ đúng, thưa Đại tá!”

– “Tại sao chú lại gia nhập đảng Cần Lao Nhân Vị?”

– “Tại vì đảng này có đường lối ôn hòa, tôn trọng sức cần lao và nhân vị con người.”

– “Chú em có biết rằng, Hội Đồng Tướng Lãnh Cách Mạng đã ra chỉ thị đình chỉ công tác, theo dõi, thẩm vấn và loại trừ những đảng viên của Đảng Cần Lao hay không?”

– “Thưa Đại tá, có phải đây là lý do tôi được gọi về trình diện Đại tá?”

– “Đúng vậy.”

– “Nếu vậy thì tùy Đại tá định liệu. Tôi là lính, lúc nào cũng chỉ là một người lính mà thôi. Lệnh đó áp dụng cho những vị chỉ huy cao cấp kia, chứ còn tôi, suốt ngày tôi ở rừng ở núi, không lẽ Đại tá định chỉ công tác của tôi, cho tôi về... hậu cứ?”

– “Chú mày ngon! Dám nói như vậy với chỉ huy trưởng?”

– “Tôi đâu có còn cách nào để mà nói nữa, thưa Đại tá.”

Đại tá Lam Sơn chống tay cạnh sườn đi tới đi lui trong phòng một hồi để suy nghĩ, cuối cùng, ông đập tay lên bàn một cái... Rầm, nói với tôi:

– “Được! Chú mày ngon, thì anh cũng... chơi ngon với chú mày. Anh cho chú mày... mười bốn ngày phép, sau đó về trình diện, làm việc tại đây với anh.”

Tôi đứng như trời trồng, không ngờ là mình lại được may mắn như thế. Đi phép hai tuần thì tôi ham, nhưng về làm việc ngay tại cái hang cộp này, thì tôi... ón lăm. Đời trai, tôi đang còn thích bay nhảy, làm sao mà ngồi một chỗ được. Tôi làm gan, nói lớn với vị chỉ huy:

– “Thưa Đại tá, tôi không dám xin đi phép, chỉ xin Đại tá cho tôi được... trở về đơn vị cũ.”

Ông Đại tá cười sang sảng:

– “Đúng như anh nghĩ. Chú mày... bảnh thiệt! Vậy thì anh cho chú mày mười bốn ngày phép, lãnh lương liền, sau đó về lại căn cứ Vàng Pao, nghe chưa?”

Tôi... bay liền lập tức ra khỏi bộ chỉ huy.

Hai tuần lễ nghỉ phép đặc biệt thật là hạnh phúc. Tôi về nhà thăm cha mẹ, anh chị em, đi phố chơi với người yêu... đủ cả mọi thứ, tiền bạc xài rủng rinh.

Hết phép, tôi lại trở về vùng rừng núi đầy sương mù nơi đất Lào xa xôi cách trở.

Đầu năm 1964, toán tình báo của chúng tôi được lệnh đi Nghệ An một lần nữa. Lần này nhiệm vụ hơi nhiều:

– Chúng tôi phải tìm hiểu chung quanh tỉnh Nghệ An có cả thủy bao nhiêu bôn chứa xăng?

– Đã gắn bao nhiêu dàn radar? Lấy tin tức chính xác về “Đập nước Linh Cảm” những nơi có thể đặt bom để phá hủy đập nước này...

Tin tức được lấy đầy đủ, tôi báo cáo rõ ràng mọi chi tiết cho trung tâm và được lệnh trở về. Tôi cho anh em biết địa điểm tập trung, nói họ cứ đi trước, tôi còn một nhiệm vụ nữa phải làm, sẽ tới sau.

Địa điểm tới của tôi là đền nhà thờ Vinh, thăm cha xứ để làm quen và mời cha làm đầu cầu liên lạc mới, vì cha là người nổi tiếng chống cộng ở ngay tại miền Bắc Cộng sản.

Tôi mua vé xe khách vào Vinh, rồi đi bộ tới nhà thờ. Vừa đi được khoảng vài bước, tôi có linh tính là đang bị theo dõi. Trước khi lên xe, tôi đã giấu máy truyền tin ở một nơi rất kín, chỉ mang theo người giấy tờ tùy thân (giấy giả) và khẩu súng phòng thân mà thôi. Hai tên công an mặc thường phục đã đến sát bên tôi rồi, tôi muốn rút súng ra bắn tụi này rồi chạy thoát thân. Nhưng súng chỉ dùng khi mình có cơ hội chạy thoát mà thôi, bây giờ tôi đang ở trong thành phố, có bắn chúng nó thì cũng không biết chạy đi đâu? Thôi thì tới đâu hay tới đó. Hai tên công an tới sát bên tôi, một tên chìa súng, tên kia hỏi giấy đi đường của tôi. Tôi bình tĩnh đưa tay vào trong áo, tính rút súng ra bắn thẳng cầm súng rồi áp đảo thằng kia, nhưng chúng nó không phải có hai tên, mà còn nhiều tên bên cạnh đó nữa, chúng nhào vô đẩy tôi ngã xuống đất rồi còng tay bịt mắt tôi ngay lập tức. Một tên mò trong người tôi, lấy được khẩu súng và giấy tờ, hấn kêu lên mừng rỡ:

– “Biệt Kích Miền Nam! Bắt được rồi.”

Về đồn công an, thay vì đánh đập tra tấn, bọn chúng để tôi ngồi yên trong phòng giam, gọi điện thoại đi tứ tung. Sáng sớm, một đám công an mới tới, có vẻ là cấp lớn hơn, chúng dắt tôi ra bắt đầu thẩm vấn. Càng trễ càng tốt, giờ này thì các toán viên của tôi đã an toàn lên trực thẳng rời khỏi Nghệ An rồi. Một tên hỏi dẫn mặt tôi ngay lập tức:

“Tôi có danh sách sáu người Biệt Kích Miền Nam hoạt động trong vùng này. Chỉ có trưởng toán mới được quyền đi vào thành phố, anh tên là Nguyễn Văn Hình, phải không?”

Đây chắc là đám chống tình báo của Việt cộng. Tôi không ngờ là bọn chúng lại có đầy đủ tên họ của cả toán Biệt Kích, lại tên thật nữa. Chối cũng vô ích, tôi nhận là đúng tên tôi.

Bọn chúng hỏi ngay máy truyền tin của tôi. May mắn là tôi không mang theo, nên khai là bị thất lạc ở trong rừng rồi. Bọn chúng hỏi số mật mã liên lạc với trung ương? Tôi trả lời thật dễ dàng:

“Nhiều số lắm, tôi không nhớ hết được, nên đã ghi vào mảnh giấy, gắn vào máy truyền tin”.

Bọn chúng hỏi rất nhiều, đa số là tôi khai “Không nhớ”, “Không biết”. Cho dù là có biết, tôi cũng không khai, vì biết rằng, lời khai của tôi sẽ có ảnh hưởng rất lớn cho những toán đi về sau. Thấy tôi không khai, bọn chúng đổi chiến thuật, mỗi ngày đưa tôi đến một địa điểm khác nhau, đa số là nhà dân ở, rồi nói với tôi:

“Chúng tôi không có nhà tù, nên không biết đem anh giam ở đâu cả, chỉ để anh ở chung với dân mà thôi.”

Nhưng tôi biết, đám dân này toàn là công an đội lốt cả, chúng nó cứ hỏi tôi những câu hỏi vớ vẩn, rồi xen kẽ vào những câu hỏi nghề nghiệp, làm cho tôi phải cố gắng lắm mới không tiết lộ bất cứ những điều gì cần phải dấu.

Cuối cùng, vào khoảng tháng 4 năm 1964, bọn chúng lôi tôi ra trước tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, kết án tôi là “Gián điệp Biệt Kích Miền Nam” và cho tôi bản án – Tù chung thân.

Xử xong chúng mới đem tôi ra mà làm thịt, chúng đánh tôi như từ. Không khai câu nào, đánh câu nấy, không nói tiếng nào, đánh tiếng đấy. Chúng đánh tôi mềm người rồi mới xách lên xe đưa đi giam tại trại “Cổng Trời”.

Trại tù Cổng Trời không biết được xây từ lúc nào, chắc là do thực dân Pháp xây để giam giữ những nhà ái quốc chống lại chúng. Đó là một trại tù rất kiên cố, xây bằng đá xanh, hàng rào phía bên ngoài cũng bằng đá tảng, cao, cao lắm, cao vút tận trời (khoảng 4m gì đó), bên trên lại chằng giây kẽm gai nữa, chỉ có một cổng duy nhất đi vào mà thôi. Bị nhốt ở đây thì không có cách chi mà vượt ngục, trừ khi vượt ngục bằng cửa chính. (Trại giam “Cổng Trời” nằm trong địa phận huyện Đồng Văn là một trong số 10 huyện của tỉnh Hà Giang.

Hà Giang là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Kay, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang. Về phía Bắc, Hà Giang giáp tỉnh Vân Nam và tỉnh Quảng Tây nước Tàu. Trại Cổng Trời chỉ cách biên giới Việt Nam – Trung cộng độ 10km đường chim bay).

Tôi bị biệt giam ngay từ khi tới trại. Ban ngày tôi được tự do đi tới đi lui trong phòng, ban đêm, chúng cùm tôi lại cho tới sáng mới mở ra.





**Trại Tù Cổng Trời ở Hà Giang**

Thời gian đầu, mỗi khi đêm xuống, tôi không tài nào ngủ được, tôi có cảm giác như người bị hỏng chân, không tin rằng mình đã bị bắt. Tôi nhớ lại từng hành vi, cử chỉ khi đang hoạt động ở Nghệ An. Tôi đã nhảy xuống vùng này nhiều lần, đã quá quen thuộc với đường đi nước bước rồi, tại sao lại dễ bị bắt? Có thể vì đã quá quen, nên tôi đã bị sơ hở?

Tôi hối tiếc, vì đáng lẽ ra, tôi không nên đi xe ca (xe đò) vào buổi sáng, mà nên đi vào buổi trưa hoặc chiều, vì lúc đó, bọn công an đã trở về trại rồi. Nhưng tôi lại tự trả lời: Nếu tôi vào thành phố trễ, sẽ khó gặp cha xứ, vì cha sẽ phải đi thăm các con chiên trong họ đạo.

Hồi tiếc thứ hai của tôi là, cũng đáng lẽ ra, tôi không cần phải đi gặp cha xứ ngay trong lần này. Vì việc tới gặp cha xứ chỉ là tự nguyện, trong trường hợp có thể làm được mà thôi. Chỉ vì tôi đã quá tôn trọng nhiệm vụ, nên đã liều mạng dùng xe ca để di chuyển.

Nếu tôi không đi gặp cha xứ, chắc chắn tôi đã không bị bắt rồi.

Trong khi ngồi trên xe ca, tôi quan sát, thấy người dân Nghệ An trên xe đều mặc quần áo giống tôi (đồng phục công nhân màu xanh biển) nhưng chiều cao thì thấp hơn tôi. Có thể chính cái vóc dáng này (1.76m) đã làm cho tôi khác với mọi người trong xe, nên bọn công an mới để ý và bắt tôi?

Trong thời gian bị chúng hỏi cung, tôi cũng đã trốn thoát một lần, nhưng tại sao tôi lại bị chúng bắt trở lại?

Khoảng hai tuần lễ sau khi bị bắt, chúng giữ tôi tại những căn nhà, gọi là... nhà dân và không còng tay còng chân tôi gì cả. Một hôm, nhân lúc chúng vừa cho tôi ăn chiều, lo thu

dọn đem đi, thì tôi tàn tàn đi theo chúng nó, thoát ra ngoài, đi thẳng luôn xuống cuối phố, tìm đường đi về miền núi. Tôi vừa trốn vừa đi, được ba ngày thì tới vùng núi non, coi như là thoát rồi, chỉ cần leo lên tới lưng chừng núi là tôi sẽ tìm cách liên lạc với máy bay trực thăng để họ đón tôi về.

Nhưng mà tới lúc đó thì tôi mệt quá rồi, ba ngày không ăn, không ngủ, tôi kiệt lực, gục xuống một gốc cây thiếp đi. Tới khi tôi tỉnh dậy thì đã thấy bọn công an đang chĩa súng vào đầu tôi, chân chúng đang đạp lên ngực tôi, thế là tôi lại vào tù. Trên đường bị giải đi, tôi thoáng thấy đám trẻ chăn trâu đang nhìn tôi mà chỉ chồ. Thì ra đám con nít này đã thấy tôi, đi báo với công an.

Thôi thì. cũng là số mạng đã an bài, tiếc nuôi làm chi.

Mình đã làm tròn nhiệm vụ của một người Biệt Kích. Mình không làm điều gì sai trái, không để phiền lụy gì tới người khác. Hãy hãnh diện vì công việc mình đã làm.

Suy nghĩ như vậy rồi, tôi chấp nhận với số mạng.

Ở một thời gian Trong trại giam, tôi đã có dịp quan sát trại tù. Phòng giam của tôi rất nhỏ, chiều dài khoảng 2.5m, chiều rộng khoảng 2.00m gì đó (tôi chỉ phỏng chừng, không nhớ rõ). Ba phía phòng giam là tường xây bằng đá tảng, đằng trước là cửa gỗ. Qua khe cửa, tôi nhìn thấy trại giam chia làm hai dãy phòng đối diện nhau, cách nhau bằng một lối đi khoảng 1m. Tôi đã tìm cách liên lạc với anh em tù bên cạnh tôi và đối diện với phòng giam của tôi.

Đối với người tù ở hai bên cạnh, tôi dùng muỗng bằng sắt, cạo lớp vôi giữa hai viên đá rồi gõ vào đá theo kiểu truyền tin (Morse). May mắn thay, người tù kế bên cũng là một Biệt kích, nên đã trả lời lại cho tôi. Anh này đã bị tù trước tôi, nên đã cho biết, có khoảng 40 Biệt kích bị giam ở đây, phần còn lại là những người dân miền Bắc bị bắt vì lý do chính trị, những tu sĩ Công Giáo và Phật giáo bị bắt trong chính sách diệt trừ tôn giáo của Việt cộng.

Một hôm, sau khi nhận phần cơm, bọn cai tù đóng cửa bỏ đi, tôi thoáng nghe một giọng nói thật nhẹ nhàng:

– “Bị bắt lâu chưa? Tội gì mà vào đây?”

Lời nói như gió thoảng, tôi không nghe rõ cho lắm, và cũng không biết là ai nói với ai? Nên tôi giữ im lặng để cố nghe lại và tìm hiểu xem lời nói đó phát xuất từ đâu?

Giọng nói lại phát ra, lần này tôi nghe rõ, phát ra từ phòng giam đối diện với tôi:

– “Bị bắt lâu chưa?”

Tôi vội vàng đứng thẳng lên, kê miệng vào khe hở của cánh cửa phía trên, trả lời vừa đủ nghe:

– “Tôi bị giam ở đây khoảng sáu tháng rồi”.

– “Tôi gì mà vào đây?”

– “Tôi là Biệt Kích Miền Nam, nhảy ra Bắc, bị bắt.”

– “Còn tôi là Linh Mục Công Giáo.”

– “Thưa cha, con cũng là người theo đạo Công Giáo.”

Thế là chúng tôi quen nhau, và tiếp tục nói chuyện với nhau rất là tâm đầu ý hiệp. Tôi được biết, cha tên là Nguyễn Văn Vinh. Tôi và cha Vinh đã có đôi lần cầu nguyện chung với nhau (đương nhiên là vào ban đêm).

Vào một buổi sáng, khi bọn cai tù đi giao cơm, tôi nghe tiếng chúng mở cửa phòng của cha Vinh, và nghe những lời đối thoại sau đây giữa người tù giao cơm và tên cai tù:

– “Sao không thấy nó cựa cậy? Vào xem nó ra sao?”

– “Nó... Chết rồi!”

– “Tới giờ này mới chịu chết. Thôi được rồi, đóng cửa lại, không cần giao cơm nữa.”

Khi bọn chúng đi rồi, tôi cố gọi cha Vinh:

– “Cha ơi, Cha Vinh ơi... Cha... Còn sống không? Trả lời cho con đi.”

Tôi gọi cha Vinh nhiều lần nữa, nhưng cha Vinh không bao giờ trả lời tôi nữa. Tôi nhớ thời gian đó là khoảng cuối năm 1964.

Inline image (không có)

Bản đồ Việt Nam, do Nha Địa Dư Việt Nam Cộng Hòa ấn hành, năm 1956

### ***GHI CHÚ:***

Ông Mặc Lâm, biên tập viên đài Á Châu Tự Do RFA 2010/12/24 / Phong Trào PNVN/HĐCN <http://www.rfa.org> đã phỏng vấn quý ông Phùng Văn Tại và Kiều Duy Vĩnh, như sau:

Ông Phùng Văn Tại, một giáo sư dạy môn Giáo Sử Văn Chương trong chủng viện, ông kể rằng:

“Ngày 24 tháng 12 năm 1959 tức là chiều hôm trước chuẩn bị trang trí nhà thờ chính tòa để đón Noel, thì Ủy ban Liên lạc Công giáo, tức là Ủy Ban Đoàn Kết Công giáo đến gây chuyện, tranh giành việc trang trí nhà thờ. Tranh giành như thế cha chính Vinh cho kéo chuông. Hai cái tháp nhà thờ Chính Tòa của Hà Nội có 6 quả chuông cha chính Vinh cho ca đoàn lên kéo cùng một lúc, cứ như thể một cuộc bạo động lớn năm 1959 cho nên kinh khủng lắm, và họ hô nhau đến bắt cha chính Vinh.”



*Linh Mục Nguyễn Văn Vinh.*

Có thể nói cha chính Vinh là nạn nhân đầu tiên trong chính sách xóa sổ thâm lạng đạo Công giáo mà chính quyền Hà Nội hướng tới. LM Nguyễn Văn Vinh do quá cương quyết và không chịu khuất phục đã âm thầm chịu chết sau đó trong trại giam Công Trời.

“Bắt cha chính Vinh xong họ bắt một số ca viên, có những người chỉ mới 16, 17 tuổi. Cha chính Vinh bị bắt và cuối cùng ngài bị đày lên Công Trời. Công Trời là một cái địa ngục nhốt cho đến chết thì thôi, cùng với cha Lương Huy Hân. Cái chết của cha chính Vinh là như thế.”

**Đại úy Kiều Duy Vĩnh, khóa 4 Đà Lạt, kể lại rằng:**

“Tôi tên là Kiều Duy Vĩnh sinh năm 1931 tại Hà Nội. Tôi học trường Chu Văn An, thế rồi giữa năm 1950 và 1951 tôi học ở trường sĩ quan Đà Lạt khóa 4. Tôi ra trường và đến năm 1954 tôi là Đại úy Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 74D Việt Nam ở khu 9 Linh Trang thuộc địa phận Hải Phòng.

Vào năm 1954 tôi là con một, tôi không đi di cư và ở lại miền Bắc, tới năm 1959 tôi bị bắt đi tù. Tôi tình nguyện thứ nhất 10 năm từ năm 1959 tới 1969 tại trại Công Trời. Ở đó tôi gặp tất cả những người tử tù đặc biệt là 72 người đầu tiên. Tôi lên cùng anh Nguyễn

Hữu Đang (ông là người từng lãnh trọng trách tổ chức buổi lễ tuyên bố độc lập cho chính phủ Hồ Chí Minh. Ông cũng là con chim đầu đàn của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, bị bắt khi phong trào này đòi quyền tự do sáng tác). Chỉ còn mỗi tôi và anh Đang còn sống còn 70 người còn lại chết cả trên trại công trời. ‘Trại Công Trời là cái tên một địa danh mà dân gian đặt ra vì ở đây nó là một cái dốc công trời. Còn địa danh do Bộ Công an, Cục Lao cải thì tên chính thức của nó là C65 HE công trường 75A Hà Nội. Không ai biết địa điểm của nó ở đâu, người ta muốn hỏi trại Công Trời ở đâu thì đến Hà Nội, hỏi Bộ Công an, và Bộ công an thì... đây địa chỉ đây...’

Trước năm 1959 tôi với anh Đang lên thì hầu như không có đường. Người ta chở chúng tôi tới Hà Giang rồi đi một đoạn nữa, rồi đi một đoạn nữa... cứ thế. Lúc ấy tôi đã là một sĩ quan rất biết địa hình lắm mà vẫn không biết vị trí thật của nó ở chỗ nào! Tôi ở đây 10 năm từ 1959 cho tới 1969 thì tôi được thả về.”

Đến đầu năm 1966 thì bọn chúng đưa chúng tôi ra giam ở phòng tập thể, từ 6 người trở lên, và bắt đầu cho học tập chính trị.

Tôi nhớ, bài học đầu tiên là “Tiến bộ của Xã Hội Chủ Nghĩa Liên Xô”. Bọn chúng tập trung anh em tù, đủ mọi thành phần, tù Biệt kích cho tới tù chính trị, tôn giáo... khoảng cả trăm người, ngồi đầy chật cả hội trường. Tên cán bộ phùng mang trợn mắt kẻ:

“Ở một nhà máy đóng hộp thịt bò, người nông dân dắt con bò vào để làm thịt bò đóng hộp. Từ lúc dắt con bò vào cho đến khi giết bò, cạo lông, mổ bò, chia ra từng bộ phận... rồi đóng hộp, chỉ chừng nửa tiếng đồng hồ mà thôi. Sau đó, người nông dân đem về cả một bao đầy những hộp thịt bò đã đóng hộp xong để phân phối cho các hợp tác xã của mình.”

Đến phần thảo luận, mà bọn chúng gọi là “Thu Hoạch” tất cả chúng tôi phải đưa ra những lời phát biểu để chứng tỏ rằng mình đã hiểu sự tiến bộ của “Xã Hội Chủ Nghĩa” mà đứng đầu là Liên Bang Xô Viết.

Đến phiên tôi lên phát biểu, trước mặt mọi người, tôi đã kể lại sự ưu việt của Xã Hội Chủ Nghĩa, như sau:

“Liên Bang Xô Viết rất là tiến bộ, nhất là trong lãnh vực máy móc cơ khí, đến nỗi các kỹ sư có thể làm sống lại một con bò đã được xẻ ra làm thịt hộp. Hồi ở miền Nam, tôi được đưa đi du học ở Tây Đức. Ở Tây Đức có rất ít bò, cho nên họ đã mua được một xưởng ‘Tái Tạo Thịt Bò’ của Liên Xô. Người nông dân đi mua tất cả những hộp thịt bò do nhà máy đóng hộp thịt bò sản xuất ra, đem vào xưởng tái tạo.

Người công nhân bỏ tất cả các hộp thịt bò vào trong máy tái tạo, chờ chừng nửa tiếng sau, dắt ra một con bò nguyên vẹn, đang nhai cỏ, giao lại cho người nông dân.”

Tôi kể câu chuyện tiến bộ của Xã Hội Chủ Nghĩa này bằng một giọng rất là... khâm phục và kính nể, nên bọn cán bộ cứ đứng nghệt mặt ra mà nghe để khâm phục tiếp cho tôi. Những nhà tu hành, những tù nhân chính trị không quen với lối nói chuyện của tôi, nên họ cũng ngồi im lặng, bán tín bán nghi.

Nhưng những anh em Biệt kích của tôi thì phá lên cười, họ vừa vỗ tay tán thưởng ưu việt của Xã Hội Chủ Nghĩa vừa ôm bụng cười nghiêng cười ngửa, cười như chưa bao giờ được cười.

Mãi một lúc sau, những người tù khác mới hiểu ra rằng, chẳng thể nào có cái chuyện dắt một con bò vào hăng, nửa tiếng sau đem về một rổ thịt bò hộp. Muốn làm ra thịt bò hộp, phải đi qua rất nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn ở một hăng khác nhau, và mỗi hăng làm một lượt cả trăm con bò, chứ không thể nào làm từng con bò một. Và cũng không thể nào lấy thịt bò đã đóng hộp để mà trộn nó lại để làm nó trở thành một con bò sống bình thường được. Tới lúc đó, họ mới rủ nhau cười lên ô ô...

Tên cán bộ kể câu chuyện “Tiến Bộ” tức điên người lên, nhưng hắn không làm gì tôi được, vì rõ ràng tôi khen kỹ thuật tiến bộ của Liên Xô, tới nỗi Tây Đức là một quốc gia tiến bộ mà còn phải đi mua máy “Tái Tạo Thịt Bò” của Liên Xô. Tên này nói thêm vài câu nữa rồi chấm dứt buổi học tập.

Ra đến ngoài, anh em Biệt kích ào tới, nói với tôi:

“Thằng Việt cộng đã nổ, mày còn... Nổ hơn thằng Việt cộng nữa! Cái hay là chúng nó cứ âm ớ, không dám làm gì mày cả, vì mày... khen chúng nó mà!”. Thế là từ đó, tôi có biệt danh “HINH NỔ”.

Cứ thế, cuộc sống của chúng tôi ngày này qua ngày khác cứ thế mà trôi đi. Ban ngày thì đứng ngồi trong phòng giam, ban đêm thì cùm kẹp. Bọn chúng không dám đưa chúng tôi ra ngoài rừng làm việc vì sợ rừng núi là địa bàn hoạt động của chúng tôi, chúng tôi sẽ trốn đi ngay lập tức.

Đối với anh em Biệt kích chúng tôi, trong những ngày đầu tù tội, đã có rất nhiều người nản chí, nhưng chúng tôi rón tìm cách liên lạc với nhau, rón khuyên nhủ nhau giữ vững tinh thần, vì mình vẫn còn đường sống, mong chờ một ngày mai... Đại Quân Miền Nam sẽ đánh ra Bắc, giải thoát cho đám Biệt Kích. Hơn nữa, đa số anh em chúng tôi đều là người Công Giáo, nên không bao giờ có chuyện tự tử, vì chỉ có Chúa Trời mới có quyền ban cho mình lẽ sống và đưa mình trở về với Chúa Trời.

Đến năm 1966, Không Quân Mỹ đã bắt đầu ném bom ở miền Bắc. Bọn quân giáo sợ điếng người, nhưng chúng tôi lại mừng ra mặt. Chắc chắn sau những cuộc dội bom này sẽ có cuộc đổ bộ của Đại Quân Miền Nam, mọi người chuyển cho nhau những tin tức thật là nóng hổi, những suy luận thật là hợp tình hợp lý. Trong thời gian này, bọn quân giáo

không dám lên mặt chửi bới hoặc có hành động gì hăm dọa chúng tôi cả. Trái lại, chính bọn chúng tôi đã... hù lại bọn chúng:

“Thằng nào làm gì, chúng tao nhớ tên từng đứa. Khi Đại Quân Miền Nam ra đây rồi, đó chúng mày chạy đâu cho thoát khỏi tay anh em Biệt kích chúng tao.”

Không thể ngồi không mà chờ đợi, anh em chúng tôi nảy ra ý định: VƯỢT TRẠI.

Chúng tôi để ý, mỗi lần có máy bay Mỹ đến dội bom, bọn quản giáo, bọn công an lại cùm chân chúng tôi lại rồi xách súng chạy xuống hầm trú ẩn hết, tới khi hết báo động mới dám chường mặt lên. Anh em trong phòng giam của tôi đã bàn với nhau:

“Mỗi lần có còi báo động, từng nhóm hai tên công an đi với nhau, mỗi tên một khẩu AK và ba băng đạn. Đợi khi chúng tiến tới gần, siết cổ chúng nó liền lập tức, rồi lột quần áo của chúng mặc vào, đi ra ngay cửa chính mà vào rừng. Lúc báo động, không ai để ý tới ai, ngay chính những tên công an gác ở đài kiểm soát cũng lo chạy xuống hầm, không lo khẩu thượng liên sẽ bắn mình. Vào tới rừng rồi, dễ gì chúng tìm ra được.”

Tin tưởng vào cách thức vượt trại này, chúng tôi xem xét, để ý từng cử chỉ, từng đường đi nước bước của bọn công an, tìm ra từng toán hai tên công an đi với nhau để chọn ra toán nào dễ thanh toán.

Rủi thay cho chúng tôi, một Biệt kích trong lúc ngủ mê đã tiết lộ kế hoạch vượt ngục:

“Ngày mai, chờ lúc có còi báo động, tôi và anh Hinh sẽ chờ sẵn, tới khi hai thằng Toán và Thế tới gần, sẽ quàng khăn siết cổ tụi nó liền, những người khác sẽ cướp súng, lột quần áo của hai tên này thật nhanh, rồi cùng... áp giải nhau ra cửa chính mà chạy.”

Anh Biệt kích nói trong cơn ngủ mê như vậy, đúng vào lúc hai tên công an Toán và Thế đang đi tuần ở ngoài. Thế là chúng nhào vào tóm anh ngủ mơ ngay lập tức và đem chúng tôi lên phòng tra hỏi:

– “Chúng mày muốn... trốn trại, phải không?”

Tôi trả lời ngay lập tức:

– “Đúng!”

– “Thằng nào bày mưu tổ chức?”

– “Chẳng có ai bày mưu tính kế gì hết. Thằng Biệt kích nào bị nhốt tù ở đây cũng đều muốn trốn tù hết. Trong đầu óc bất cứ thằng Biệt kích nào cũng có mưu kế để trốn tù hết. Nếu không có ý định trốn tù, đâu phải là Biệt Kích!”

– “Chính mày là chủ chốt vượt ngục, phải không?”

– “Tôi đã trả lời cán bộ rồi, trong đầu óc bất cứ một người Biệt Kích nào cũng có ý tưởng vượt ngục, không cần phải có người nào đứng làm chủ chốt cả. Tuy nhiên, ý định là một chuyện, làm được hay không lại là một chuyện khác, các anh canh gác như thế này thì chúng tôi làm sao mà vượt ngục được!”

Hai tên công an nhìn nhau, thích thú vì câu nói của tôi đã... khen chúng canh gác kỹ (Trên thực tế, ở trại tù Cổng Trời này, vì địa thế hiểm trở, nên bọn Công an chỉ canh gác cho có lệ. Tôi nói móc họng tụi nó chứ không phải là khen). Chúng im lặng một lúc rồi cùng bước ra ngoài to nhỏ với nhau.

Tôi đoán rằng, trong lúc này, đầu óc tụi nó đang hoang mang lo sợ máy may Mỹ có thể đến thả bom bất cứ lúc nào. Nếu giữ tôi lại để tra tấn, để hỏi cung, lỡ máy bay Mỹ đột ngột bay tới, làm sao mà kịp giờ để chạy xuống hầm? Chạy không kịp, lỡ bọn Biệt Kích nổi loạn, chúng nó dám... giết mình lắm!

Hơn nữa, chúng tôi cũng chưa hề có một hành động nào chứng tỏ là sẽ vượt ngục, tất cả chỉ là một lời nói trong giấc mơ mà thôi.

Cuối cùng, hai tên cai tù trở lại, chỉ đe dọa tôi:

– “Chúng mày liệu hồn. Ở trại Cổng Trời này, chưa bao giờ có chuyện vượt ngục, mà dù có vượt ngục cũng không thể trốn đi đâu cho thoát. Đã lên tới cổng trời rồi, thì chỉ còn có một con đường duy nhất để mà đi tới là ‘Đồi Bà Then’ chứ không còn con đường nào khác để đi xuống.”

Ghi chú: Đồi Bà Then là nơi chôn tù nhân. Chỉ bó chiếu mà chôn chứ không có mộ bia gì cả.

Sau đó, chúng lại cho tôi vào phòng biệt giam, cùm tôi suốt một tuần lễ rồi mới cho ra phòng giam chung.

Tù nhân ở trại Cổng Trời, với khí hậu khắc nghiệt, ăn uống thiếu thốn, lại không có thuốc men gì cả, rất khó mà kéo dài cuộc sống: Ban đêm, nhiệt độ có khi dưới 0 độ, anh em tù chỉ có trên người một bộ quần áo vải và cái chăn đơn. Lạnh không còn nơi nào lạnh hơn. Ăn uống thì chỉ có khoai sắn, luộc với muối, lâu lâu có ít cơm. Nếu có bệnh, rán chống chọi để mà qua cơn bệnh, nếu không qua khỏi cơn bệnh, thì chỉ còn cách... đem chôn.

**Anh em Biệt Kích chúng tôi còn sống được là nhờ vào niềm tin:**



Niềm tin là một ngày nào đó, Đại Quân Miền Nam sẽ tấn công qua sông Bến Hải để Giải Phóng Miền Bắc, giải cứu anh em Biệt Kích.

Nếu ngày hôm nay Đại quân chưa ra, thì ngày mai, ngày mốt, một ngày nào đó... Cứ thế mà chúng tôi kéo dài cuộc sống tù đày...

Vào một ngày của năm 1973, tất cả tù Biệt kích chúng tôi được dời về trại Phú Lu ở Lào Kay để học tập về Hiệp Định Gio Neo và cách thức trao trả tù binh. Tôi đếm cả thấy có khoảng một trăm hai mươi Biệt Kích, bao gồm cả những anh em Biệt Kích nhảy toán ở Cam Pu Chia, đường mòn HCM và Hạ Lào. Vừa cho học tập, bọn Việt cộng vừa làm công tác tuyên truyền để cài người: Mỗi Biệt kích đều được chúng gọi riêng vào phòng để dọa nạt, dụ dỗ sẽ cho trao trả sớm nếu chịu làm điệp viên cho chúng, báo cáo cho chúng những tin tức cần thiết ở Miền Nam.

Anh em chúng tôi về phòng bí mật họp nhau lại, tương kế tựu kế, chỉ nói rằng sẽ làm những gì có thể làm, sau đó báo cho nhau đầy đủ những gì bọn chúng đòi hỏi, coi đó như là một trò chơi đấu trí mà thôi. Một số anh em còn bàn bạc trao đổi với nhau về những kinh nghiệm nhảy toán, để nếu sau này còn nhảy ra Bắc nữa, sẽ không mắc phải những lỗi lầm này. Nếu không nhảy toán, sẽ làm huấn luyện viên, truyền lại những kinh nghiệm này cho đám Biệt Kích đàn em.

Thời gian học tập này là thời gian thoải mái nhất trong cuộc đời tù tội của chúng tôi. Thời gian này cũng là thời gian duy nhất mà anh em Biệt Kích không có ý định vượt ngục: Đang chờ để trao đổi tù binh mà! Vượt ngục làm chi? Cũng trong thời gian này, đôi khi chúng cho chúng tôi được ăn thịt. Thông thường, khẩu phần tù được 9kg... “Chất Bột” bao gồm khoai, sắn, rau, muối và hiếm khi có một ít gạo. Thịt chỉ được ăn (vài miếng được gọi là thịt) vào hai ngày trong năm: Ngày Tết và ngày mà chúng gọi là “Độc Lập”.

Hàng ngày, chúng tôi được cho nghe tin tức từ đài phát thanh, và được biết, một vài nhóm tù Quân nhân Cộng Hoà đã được trao trả, làm anh em chúng tôi càng nức lòng hơn nữa.

Chờ mãi, chờ mãi cho đến tháng 10 năm 1973 mà vẫn chưa được trao đổi, anh em chúng tôi hỏi thẳng đám cán bộ:

– “Tại sao chúng tôi không được trao trả?”

Bọn cán bộ trả lời quanh co:

– “Có nhiều toán được trao trả, rần chờ tới phiên.”

Chờ không nổi nữa rồi, anh em chúng tôi bàn nhau:

“Có thể bọn Việt cộng đã dùng chúng tôi để mặc cả một điều gì đó, nên mới chần chờ như vậy. Được trao trả theo Hiệp định Genève là một dịp may hiếm có, phải nắm lấy cơ hội này, phải làm một cái gì đó để đòi hỏi, nếu không, sẽ không bao giờ còn cơ hội nữa”.

Anh em Biệt Kích ra quyết định:

“Tuyệt thực, cho đến khi nào được trao trả!”

Không biết vì lý do nào đó mà anh em Biệt Kích ở Trại Quảng Ninh cũng đã có quyết định tuyệt thực cùng một ngày với anh em Biệt Kích ở Phú Lu chúng tôi, làm cho bọn Việt cộng lo ngại đã có... gián điệp Miền Nam trà trộn vào trong đám cán bộ của chúng để cho hai trại biết tin nhau, chứ anh em Biệt Kích không thể nào thông tin với nhau được, vì hai trại ở rất xa nhau. Chúng tôi thấy bọn cai tù bối rối ra mặt, nên càng quyết định làm tới.

Tuyệt thực tới ngày thứ ba thì bọn quản giáo họp chúng tôi lại, tuyên bố dỗ ngọt:

– “Sẽ đưa nguyện vọng của anh em lên Bộ Công An để cứu xét gấp.”

Sau vài tuần chờ đợi, bọn chúng lại họp anh em chúng tôi lại, chia thành từng toán 20 người đưa lên xe đi, giải thích rằng:

– “Trao đổi ở nhiều nơi khác nhau, nên phải chia toán ra mà đi.”

Toán thứ nhất có tôi, được đưa ra khỏi trại để lên xe. Anh em còn lại vui lòng chờ đợi tới phiên mình.

Bất chợt, những người tù hình sự chạy vào báo cáo:

– “Anh em trong toán vừa rồi, bị đưa lên xe bít bùng, vừa mới lên xe là bị còng lại. Đưa đi đâu không biết!”

Anh em Biệt Kích còn lại họp khẩn với nhau:

“Nếu đưa đi nơi khác làm thủ tục trao đổi, tại sao lại phải còng lại? Tại sao phải ngồi xe bít bùng?” Như vậy, có nghĩa là anh em bị đưa đi trại giam khác, chứ không phải được đưa đi trao đổi.

Tất cả Biệt Kích yêu cầu quản giáo giải thích rõ ràng, nếu không, yêu cầu trao trả đám anh em vừa mới được chuyển đi.

Bọn Công an từ chối giải thích và cũng từ chối trao trả đám tù vừa bị đưa đi. Không những thế, chúng còn chĩa súng ra lệnh cho anh em trở về khu nhà giam.

Nhìn không được nữa rồi, anh em Biệt Kích quyết định: Đánh!

Toàn thể hơn một trăm Biệt Kích bắt chấp súng đạn, lưỡi lê, đã nhào lên tấn công bọn Công an. Anh em dùng dao búa, đồ nghề và bất cứ thứ gì có thể dùng làm vũ khí, kéo bàn ghế làm chướng ngại vật để giao chiến với bọn Công An.

Bọn Việt cộng không chịu trao đổi thì anh em Biệt Kích... Tự Trao đổi.

Phải thoát ra ngoài. Phải vượt trại. Phải vượt ngục.

Bọn Việt cộng cũng biết vậy, nên chúng kêu viện binh, thêm cả lính chính quy với đại liên và xe tăng trợ chiến. Kết cuộc, sau một ngày giao chiến, anh em Biệt Kích bị thúc thủ, lại bị bắt còng tay giải đi từng trại khác nhau.

Toán đầu tiên của chúng tôi đã bị đưa trở lại trại Cổng Trời. Vài ngày sau, đám Biệt Kích còn lại cũng lên nhập bọn và bị biệt giam ngay lập tức.

Khi được biết anh em vì tình đồng đội, vì chúng tôi mà đã bị bọn Công an đàn áp, chúng tôi chỉ còn cách nhìn nhau mà thương cảm, xót xa cho cuộc đời tù tội dưới chế độ Cộng sản.

Biệt Kích thương yêu nhau, dùm bọc lẫn nhau như thế đấy!

Tháng 6 năm 1975, đang nằm trong khu biệt giam, chúng tôi được bọn Công an cho nghe radio, phát tin:

“Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà đã đầu hàng bộ đội Việt cộng”

Anh em chúng tôi không ai tin cả, vì đã một lần vào năm 1968, bọn chúng cũng đã cho chúng tôi nghe tin “Bộ đội Bắc Việt đã chiếm toàn cõi Miền Nam”. Nhưng sự thật không phải là như vậy, nên lần này, dù bọn chúng có cho chúng tôi nghe thật nhiều lần cái tin đầu hàng đó, chúng tôi cũng vẫn không tin, không nghe.

Mãi tới tháng 10/1975, bọn Việt cộng tập họp chúng tôi lại, cho xem đoạn phim xe tăng Việt cộng húc đổ cổng sắt tiến chiếm Dinh Độc Lập, Tổng thống Dương Văn Minh đọc lời hiệu triệu quân dân chính, kêu gọi quân nhân các cấp của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà buông súng ngưng chiến đấu.

Lúc đó, mặt trời mới hoàn toàn đỏ sụp trên đầu chúng tôi.

Từ khi bị bắt tới bây giờ, anh em Biệt Kích chúng tôi sở dĩ còn sống đến ngày nay là nhờ vào lòng tin. Lòng tin một ngày nào đó Đại Quân Miền Nam sẽ tiến về giải phóng quê

huong miền Bắc, tiêu diệt bọn Cộng sản dã man, mang lại hoà bình cho toàn cõi Việt Nam và giải cứu chúng tôi.

Những người lính Biệt Kích như chúng tôi, đã được trui luyện qua nhiều quân trường của quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Đào tạo ra một người lính Việt Nam Cộng Hoà đòi hỏi rất nhiều công phu sự luyện tập, đòi hỏi vừa khả năng về quân sự lẫn trí óc và lòng tin. Lòng tin vào chính nghĩa Tự Do, Cộng Hoà sẽ toàn thắng chủ nghĩa Cộng sản vô thần, vô tổ quốc, dã man, vô nhân đạo.

Đến khi bị bắt, chúng tôi đã được tận mắt chứng kiến mức sống cơ cực của người dân miền Bắc, đã được nhìn thấy những đám lính Cộng sản thiếu huấn luyện, vũ khí thô sơ, không có khả năng chiến đấu, chúng tôi đều có sự suy nghĩ, so sánh và kết luận là:

– Miền Nam hơn Miền Bắc rất nhiều, do đó, chắc chắn quân đội của Việt Nam Cộng Hoà sẽ tiến về giải phóng Miền Bắc.

Sự thật xảy ra đã quá trái ngược với niềm tin tưởng của chúng tôi.

Mặt đất dường như sụp đổ ngay dưới chân của tôi. Tôi đứng không vững, tưởng chừng như nếu bước tới một bước nữa, sẽ bị sụp xuống hố sâu.

Tôi mở mắt nhìn trời, mà tưởng chừng như bầu trời đã biến mất, không còn một tia sáng nào ở trước mặt.

Chúng tôi nhìn nhau, nói không nên lời, khóc không ra tiếng. Niềm tin vào Miền Nam của chúng tôi đã sụp đổ! Còn gì để cho chúng tôi vịn vào đó mà sống nữa! Một số trong anh em chúng tôi đã quá tuyệt vọng, đã tự tử. Đến lúc này, chúng tôi mới chợt bừng tỉnh. Trong chiến tranh, thắng bại là chuyện bình thường. Tại sao lại phải chết? Bại hôm nay, đâu có nghĩa là hoàn toàn bại trận. Thắng hôm nay, đâu có nghĩa là mãi mãi thắng.

Lịch sử đã cho thấy, thua ngày hôm nay, ngày mai, năm sau, mười năm sau thắng lại vẫn là chuyện thường xảy ra và có thể xảy ra với Miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi khuyến khích nhau, hỗ trợ tinh thần cho nhau để cùng đứng vững, cùng tin tưởng vào một ngày mai tươi sáng hơn.

Năm 1976, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ và một số anh em từ trong Nam bị đưa ra ở cùng trại với chúng tôi, đã cho chúng tôi thật nhiều tin tức. Tin quan trọng nhất mà chúng tôi thu thập được là: Một số sĩ quan cao cấp của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã thoát ra ngoại quốc và đang tổ chức những cuộc kháng chiến.

Thế là trong tâm khảm chúng tôi lại bùng lên một niềm hy vọng mới:

Sẽ lại có ngày ca khúc khải hoàn!

Đến năm 1977, bọn Việt cộng tập hợp chúng tôi lại, loan tin:

Án chung thân cho tất cả các Biệt Kích được xoá bỏ. Kể từ nay, tất cả tù nhân sẽ được chuyển về các Nông trường để sản xuất.

Nghe thì thật là nhân đạo, nhưng thực sự thì là một phương cách chuyển trại tù mà thôi. Lý do là toàn thể nước Việt Nam bây giờ đều nằm trong tay bọn Việt cộng, chúng không còn sợ chúng tôi trốn trại nữa, nên thay vì để chúng tôi ở trong tù, phí phạm, chúng chuyển chúng tôi về các nông trường sản xuất, bắt làm việc tự nuôi thân.

Tôi và một số anh em được đưa về Nông trường Hồng Thắng, ở Phú Lu, thuộc tỉnh Lào Kay, để cuốc đất trồng khoai, trồng mì. Gọi là Nông trường cho có vẻ hoa mỹ, chứ thực sự, nông trường này cũng nằm ở một góc rừng không có dân địa phương lai vãng. Trong nông trường nhốt đủ mọi thứ tù: Tù tù hình sự tới dân sự, từ cán bộ tới bộ đội mà chúng gọi là “Hủ Hoá, Tham Ô”. Tù ra đồng từ sáng sớm tới tối mịt mới trở về khu nhà ngủ.

Những bữa ăn sáng trưa và chiều tôi đều tập trung vào những lán, gọi là nhà ăn. Tất cả các loại tù đều xếp hàng ăn chung với nhau. Việc nấu nướng ở nhà bếp và chia khẩu phần cơm canh được giao cho những tù hình sự, tức là những người ít ra còn được bọn Việt cộng tin tưởng, vì họ sinh ra và sống muôn đời ở ngoài Bắc. Những tù nhân lo việc nấu nướng thì an nhàn hơn và có thể giấu phần cơm thêm cho mình, nhưng những người tù lo việc phân chia cơm canh lại không được an nhàn như vậy, vì cơm canh là lẽ sống của tù, nên chỉ cần chia không đều một vài hột cơm, một nửa củ khoai hoặc sắn là các tù nhân có thể cãi vã hoặc đánh người chia cơm liền lập tức, đôi khi đưa tới đổ máu, giết lẫn nhau. Vì thế, dù là tù hình sự có dữ dằn tới đâu đi nữa, cũng không dám đứng chia phần cơm cho tù được quá một bữa. Các cai tù và tù chia cơm đành phải nhờ tới các Biệt Kích Miền Nam lo nhiệm vụ chia cơm. Lý do mà Biệt Kích Miền Nam dám làm và làm công việc chia cơm một cách hoàn hảo, không phải vì anh em Biệt Kích... dữ dằn hơn các loại tù khác, mà vì những lý do như sau:

- Anh em Biệt Kích là những chiến binh can đảm, có số đông, lại luôn luôn bênh vực lẫn nhau. Anh em có đủ bản lĩnh để đánh trả những ai đụng tới mình hoặc ức hiếp các tù nhân khác.
- Anh em Biệt Kích đều là những người trọng danh dự, không làm lợi riêng cho mình.
- Có đầu óc tính toán, biết cách làm việc, biết cách chia phần cho đồng đều. Đa số đều có trình độ học thức, nên đều biết cách thức chế ra cái cân thăng bằng một đầu có đĩa đựng đồ ăn, đầu kia là quả cân bằng đá.

Ví dụ: Nếu mỗi người tù được nhận 100 gram chất bột, thì anh em cân thử trước mặt mọi người lần đầu. Để đồ ăn lên đĩa, rồi dờn quả cân tới điểm thăng bằng và đánh dấu tại đó. Tới phiên lãnh cơm thì một anh xúc đồ ăn lên đĩa, anh kia dờn quả cân tới đúng điểm đã đánh dấu, thế là xong, ai cũng có phần đúng như cân lượng.

Trong một bữa ăn trưa, sau khi tôi chia cơm xong, lấy phần của mình ra một góc ngồi ăn, có một anh tù tới gần chỗ tôi ngồi ăn chung, tự giới thiệu anh ta tên Bưởi. Tôi hỏi anh thuộc loại tù gì? Anh thản nhiên trả lời:

“Tù... Tham Ô”.

Tham Ô? Tôi hơi ngạc nhiên, vì xứ Bắc nghèo nàn vô tận, có gì đâu để mà tham ô?

Anh thuộc loại cán bộ tập kết, lấy vợ là con gái của Phó Giám Đốc Mỏ Than Hòn Gai. Vì tên Giám đốc ganh tị với bố vợ của anh, nên đã kết tội anh là tham ô, lãng phí. Anh bị kết án tù 10 năm, đưa lên làm lao động ở đây.

Sau vài lần ngồi ăn chung, một hôm, đột nhiên anh hỏi tôi:

“Hồi đó, tôi ở... căn nhà an toàn tại lầu 4 đường Trần Hưng Đạo, tôi có treo một bức hình Tổng Thống Diệm đang đứng hiệu triệu quốc dân. Không biết có còn không?”.

Tôi giật mình, lạnh sương sống, củ khoai lang mắc nghẹn trong miệng tôi, vì tôi có thấy tấm hình Tổng Thống Diệm ở trên tường. Tôi im lặng quan sát anh Bưởi một lần nữa:

Anh Bưởi này là ai mà lại ở “Nhà An Toàn” của Biệt Kích?

Anh là ai mà lại treo tấm hình Tổng Thống Diệm lên trên tường?

Anh Bưởi vừa bóc vỏ khoai lang vừa nhìn quanh, khi đã quan sát để biết rõ không có ai nghe lén, anh mới tiếp tục nói:

– “Tôi là Đại úy Biệt Kích Lê Văn Bưởi, được đưa qua Thái Lan làm con nuôi một gia đình cách mạng, rồi sau đó đưa về Hà Nội với tư cách... tập kết. Tôi được sắp xếp làm tại mỏ than Hòn Gai. Nhiệm vụ của tôi là nhận đồ tiếp liệu từ Hà Nội đem về, nên lấy được nhiều tin tức lắm. Tên Thủ trưởng muốn tôi xuất kho những món hàng có thể đem bán được, tôi không chịu xuất, nên hẳn tìm cách cáo buộc tôi là tham ô. Tôi bị tù nhưng vì có bố vợ can thiệp, nên chỉ phải đưa đi làm lao động mà thôi.”

Tôi ú ớ, không biết có nên tin anh ta hay không? Tôi hỏi lấy lệ:

– “Tụi nó đã biết... anh là ai hay chưa?”

– “Chúng nó cũng là người thôi, chứ đâu phải là thần thánh gì để mà biết anh em mình có mặt ở mọi nơi, và đang làm cái gì? Nếu chúng nó biết tôi là ai, thì giờ này tôi đâu có ngồi đây mà nói chuyện với anh. Thôi, chào anh mạnh giỏi, rán giữ vững tinh thần.”

Rồi anh đứng dậy, vươn vai đi trở lại chỗ làm.

(Ghi chú: Vào năm 2007, tôi có qua Mỹ dự đại hội “Biệt Kích Nhảy Bắc” và có gặp lại Đại úy Bưởi. Anh kể tiếp cho tôi nghe đoạn cuối của cuộc đời Biệt Kích của anh:

– “Năm 1984, tôi được tha, đem vợ con vào Sài Gòn sinh sống. Khi nghe tin có chương trình HO, tôi đi thẳng tới Tòa Lãnh Sự Mỹ trình diện. Họ coi lại sổ sách, có tên tôi là Biệt Kích Nhảy Bắc, gài tại Hà Nội, thế là họ cho cả gia đình tôi qua Mỹ định cư”. Anh Bưởi đã qua đời vào năm 2009).



**Anh em Biệt Kích chụp hình lưu niệm trước Quốc Hội Hoa Kỳ (1997) trong thời gian tranh đấu đòi quyền lợi.**

Năm 1978–1979, chiến tranh biên giới giữa Trung cộng và Việt cộng bùng nổ, anh em Biệt kích còn bị nhốt ở trại Cồng Trời xôn xao bàn tán: Từ Cồng Trời tới biên giới Trung cộng rất gần, chỉ leo qua ngọn núi là tới. Hãy nhân dịp này mà vượt trại đi thôi. Ở đây thì chỉ là kiếp tù đày cho đến chết. Đàng nào cũng chết, chết trên đường tìm Tự do còn hơn sống nhục. Thế là một số anh em đã cùng với những Biệt kích của Trung Hoa Dân Quốc (Trưởng Giới Thạch) đã vượt trại đi qua Trung cộng. Số phận của họ ra sao, không ai được biết.

(Ghi chú: Cũng trong dịp đi dự đại hội Biệt Kích Nhảy Bắc vào năm 2007, tôi đã được biết tin: Số anh em Biệt Kích Trung Hoa Dân Quốc, trong đó có anh Vòng A Cầu và Lê

Trung Chính, sau khi vượt trại Cổng Trời, đã qua được tới Trung cộng. Bằng cách nào đó, họ đã liên lạc với Tòa Đại Sứ Mỹ và cũng đã được bốc về Đài Loan và cuối cùng, họ đã chọn định cư ở Mỹ).

Phần anh em chúng tôi (khoảng 18 người) ở Nông trường Hồng Thắng, bị bọn Công an chuyển về Hà Nội, trực thuộc Cục Quản Lý Trại Giam, để sửa chữa nhà cửa. Bọn chúng phát quần áo công nhân màu xanh biển cho chúng tôi mặc, mỗi sáng đưa chúng tôi lên xe chở đi sửa chữa những trại giam bị hư hại. Sau một thời gian quen thuộc, chúng không đưa xe đi nữa mà bắt chúng tôi tự di chuyển bằng xe lửa. Mỗi buổi sáng, chúng tôi tới ga Hàng Cỏ đón xe lửa tới những trại giam được chỉ định để làm việc, tối lại đón xe lửa về Cục Quản Lý Trại Giam trình diện.

Một hôm, khi chúng tôi vừa tới nhà ga thì thấy một số các bà các cô đang gồng gánh và khiêng những kiện hàng nặng trĩu xuống xe lửa. Những người này mặc dù mang vác đồ đạc nhưng họ có dáng điệu và cách ăn mặc khác hẳn đám đàn bà buôn bán thường đi xe lửa tại đây. Chắc chắn họ là thân nhân của các sĩ quan Miền Nam đang mang đồ đạc thực phẩm tiếp tế cho chồng đang bị tù ở những trại tù ở miền Bắc. Tôi tới gần họ nghe ngóng, một cô trẻ tuổi nói với mẹ:

– “Má à, cái đồ này nặng lắm, để cho con ‘gắn’ cho, má mang cái giỏ này đi.”

Trời ơi! Giọng nói của người Miền Nam!

Một giọng nói mà tôi tưởng chừng như là không bao giờ con nghe lại được nữa!

Trong phút chốc, tôi quên mất tôi là người sinh đẻ ở miền Bắc, để nhận tôi là người Nam, và cái giọng nói miền Nam đó là giọng nói của Mẹ Việt Nam của tôi, của đất nước tôi.

Nước mắt tôi trào ra. Tôi đứng im nhìn những người đàn bà mà tưởng chừng như đã được về nhà, đang đứng trước cửa nhà của tôi, và trong số những người đàn bà này có mẹ tôi, có cô dì có chị em của tôi. Tôi mừng quá, chỉ muốn chạy ngay lại chỗ bọn họ để mà hỏi thăm, để được nói những câu nói, được nghe những giọng nói mà tôi đã không được nghe từ hơn mười lăm năm trời nay.

Nhưng tôi kịp ngưng lại để nhớ thân phận mình đang là tù, đang ở Hà Nội. Tôi đứng im để cố nhớ lại những từ ngữ miền Nam mà tôi đã học được suốt mười năm sinh sống ở Miền Nam của tôi, khi nhớ lại rồi, tôi chạy lại chỗ các bà các cô đang khiêng hàng, cười tươi tỉnh, rón rẩy giọng miền Nam mà nói câu nói đầu tiên:

– “Chào mấy chị. Mấy chị mang đồ đi thăm nuôi chồng học cải tạo đó, phải hông?”

Tui cũng là người xứ Nam Kỳ như mấy chị đó, tui theo ba tui ra tập kết ngoài đây. Để tui phụ mấy chị khiêng đồ xuống nha.”



Những người đàn bà nghe tôi nói tiếng Nam pha giọng Bắc, mặc dù họ không biết tôi là cái thứ gì, nhưng trong xứ Bắc mà nghe được một giọng Nam thì cũng một phần nào có lòng tin, họ nhờ tôi khiêng những đồ nặng xuống để chung một chỗ. Tôi hỏi họ muốn đi thăm nuôi ở vùng nào? Trại nào? Rồi ra ngoài mặc cả xe thồ, xe kéo đưa họ đi. Trong khi sắp xếp phương tiện, tôi từ từ hỏi họ về tình hình ở trong Nam ra sao? Nhất là vùng Thủ Đức, nơi cha mẹ tôi ở.

Chiều về, tôi lại đứng chờ ở ga xe lửa để đón những thân nhân đi thăm tù cải tạo. Tôi lại giúp họ mang vác và mượn xe để dò hỏi thêm tin tức trong Nam. Họ cho tôi biết, Việt cộng đã cho đổi tiền, đưa các sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đi tù cải tạo, đánh “Tur Săn Mại Bản”. Tôi cũng cho họ biết tôi theo cha đi tập kết, đã lâu không về miền Nam, nên muốn trở về thăm nhà, nhưng không biết làm cách nào để về, vì không có giấy tờ, cũng chẳng có tiền bạc gì cả. Họ khuyên tôi nếu muốn về Nam, cứ đi về đi, Việt cộng chưa đến nỗi kiểm soát quá kỹ đâu, nhưng nên đi theo các xe chở hàng đỡ bị kiểm soát hơn.

Tối hôm đó, tôi nằm trong trại vắt tay lên trán suy nghĩ. Tương lai của tôi hiện tại chỉ là chôn chặt cuộc đời ở miền Bắc rồi chết đi như một người tù mà thôi. Đảng nào cũng chết, tôi phải bằng mọi cách trốn về Nam. Nhưng nếu đi bằng xe lửa, tôi không có tiền mua vé, dù có tiền mua vé, thì cũng sẽ bị bắt ở các trạm kiểm soát. Do đó, tôi quyết định phải đi theo xe hàng như đã được thân nhân tù cải tạo chỉ dẫn.

Sáng hôm sau, tôi đi dò la bến xe chở hàng ở đâu? Đám xe thồ chỉ cho tôi lối đi tới bến xe Kim Liên. Tôi tới bến xe, vừa lúc một đoàn xe chở hàng ở miền Nam vừa mới tới. Những người tài xế đang túa ra quán ăn sáng, có một người tài xế không đi, đang lui cui mắc võng nằm nghỉ. Tôi bước tới làm quen.

Anh tài xế cho biết, anh chở hàng từ Sài Gòn thẳng tới Hà Nội, nghỉ một đêm rồi lại quay về Nam. Tôi nhìn kỹ trên cổ anh ta có đeo một giầy chuyền có hình thánh giá. Mừng quá! Tôi đã gặp... phe ta rồi! Tôi cố tình bẻ cổ áo để lộ rõ cái giầy chuyền có hình thánh giá đã lên nước bóng loáng của tôi, hỏi anh mới từ trong Nam ra phải không? Đường xá có hư hại nhiều lắm không? Vợ con ra sao? Cuối cùng, tôi hỏi anh trước đây anh có làm nghề lái xe “Tải” hay không mà dám lái đường trường như vậy? Anh cho biết, anh nguyên là Trung sĩ Quân vận của “Lính Ngụy”, nên lái xe đường xa thường lắm. Tôi lấy bộn cũ ra soạn lại, cũng tâm sự là dân miền Nam, tập kết ra Bắc, nhớ nhà quá, bây giờ muốn... quá giang xe của anh về Nam thăm gia đình. Tôi nói rất ngậm ngùi là, ở ngoài Bắc này, tôi chỉ được nuôi ăn thôi, chứ không có tiền lương như ở miền Nam, nên sẽ không có tiền trả cho anh, chỉ xin tặng anh cây Thánh Giá bằng gỗ Soan mà tôi đang đeo trên cổ.

Ngoài sự dự đoán của tôi, anh trung sĩ hỏi tôi một câu thật là... các có:

– “Chú có Đạo, sao lại đi... tập kết?”

Tôi bí lối, rán bình tĩnh trả lời:

– “Hồi đó, tôi còn nhỏ... biểu đi thì đi, chứ đâu có biết là đi đâu!”

Rồi cũng ngoài sự tưởng tượng của tôi, anh trung sĩ không hỏi gì thêm nữa, mà đồng ý ngay:

– “Muôn... dzia nhà thì dzia. Tụi tui rời bến sáng sớm mai, muôn... guá giang thì bốn giờ sáng mai có mặt tại đây.”

Tôi mừng quá, bắt tay anh rồi rít hẹn sáng mai đúng bốn giờ sẽ có mặt.

Tối hôm đó, tôi dặn tên công an gác cổng là ngày mai tôi phải đi làm sớm, sẽ rời trại lúc ba giờ sáng. Tên này đồng ý.

Đúng bốn giờ sáng, tôi có mặt tại bến xe Kim Liên gặp anh tài xế. Anh ta mời tôi một gói xôi rồi giới thiệu tôi với anh phụ xe. Xe nổ máy, anh cho tôi ngồi giữa.

Xe bắt đầu rời bến, tôi hồi hộp y như là lúc tôi ngồi trên trục thăng sửa soạn nhảy xuống Nghệ An mười lăm năm trước đây.

Xe chạy ngang Huế, tôi thấy một vài cửa hàng có treo đèn trung thu, tôi mới biết là sắp tới rằm Tháng Chín.

Đoàn xe vào tới miền Nam mà không phải dừng lại ở bất cứ trạm kiểm soát nào. Cuộc đào thoát của tôi đã trót lọt một cách cực kỳ êm đẹp, không thể nào ngờ được. Trên đường đi, tôi đã nghĩ ra hàng ngàn khó khăn sẽ ập tới, và hàng ngàn câu trả lời mà tôi sẽ phải trả lời. Cuối cùng là nếu bị bắt, tôi sẽ... tự xử bằng cách nào để xứng đáng với một Biệt Kích Miền Nam và không làm liên lụy tới người tài xế Quân Vận.

Vậy mà không một khó khăn nào đến với tôi hết!

Xe vào tới địa phận Thủ Đức, tôi xin anh tài xế cho xuống, cảm ơn anh, bắt tay anh thật nồng nhiệt.

Cám ơn Thượng Đế.

Cám ơn Đức Chúa Trời.

Con đã thoát khỏi ngục tù Cộng sản rồi.

Cám ơn anh Trung sĩ Quân Vận của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Cầu xin Chúa phù hộ cho anh.

Lúc đó là bốn giờ sáng, trời còn tối lắm, tôi đi bộ tới cái quán cà phê đầu đường. Cái quán này có từ thời tôi nhập ngũ, nay vẫn còn đây. Tôi đứng lảng vảng chờ cha mẹ tôi đi lễ buổi sáng. Theo thông lệ từ lâu đời, mỗi sáng, cứ vào khoảng năm giờ sáng là cha mẹ tôi dắt tay nhau đi lễ sớm. Khi chưa nhập ngũ, tôi cũng đã từng theo cha mẹ đi lễ sớm.

Đây rồi, mẹ tôi đang từ nhà bước ra, tôi hồi hộp nhập theo đoàn người thưa thớt bước theo. Tới gần mẹ, tim tôi đập mạnh hơn bao giờ hết. Tôi muốn nói nhưng cổ tôi nghẹn lại. Tôi cố lên tiếng:

– “Mẹ!... Mẹ ơi...”

Đến lần thứ ba tôi mới nói ra tiếng.

Nhưng tôi nói nhỏ quá, mẹ tôi không nghe rõ. Bà thấy có người đi gần thì lảng ra xa. Tôi bước theo cố gắng nói cho bà đủ nghe:

– “Mẹ ơi... Con là Hinh đây...”

Mẹ tôi quay lại nhìn tôi. Chắc bà nghe không rõ nên lại quay lại tiếp tục bước đi. Tôi tiếp tục đi theo bà, nói tiếp:

– “Mẹ ơi... Con là Hinh con trai của mẹ đây.”

Lần này, mẹ tôi đã nghe rõ, bà quay lại nhìn tôi, nhìn từ đầu đến chân:

– “Thằng Hinh... đấy à.”

Rồi bà té xỉu xuống đất.

Tôi đã dự phòng trường hợp này rồi, nên tôi ôm chặt lấy mẹ, dìu mẹ tiếp tục bước đi. Một lúc sau, mẹ tôi tỉnh lại, bà nắm chặt lấy tôi như sợ tôi lại biến đi, bà vừa khóc vừa hỏi tôi:

– “Con... ở đâu về vậy?”

Tôi cũng vừa khóc vừa trả lời mẹ:

– “Con Nhảy Dù ra Bắc lấy tin tức tình báo, bị bắt tù từ ngày đó tới giờ. Con... trốn trại về đây.”

Mẹ nghe tôi nói thì vội vàng đổi hướng quay trở lại:

– “Về nhà! Về nhà ngay đi con.”

Hai mẹ con vội vã quay trở về nhà. Mẹ chờ tôi vào nhà, đóng cửa cài then chặt chẽ rồi mới hỏi tôi ngọn ngành. Mẹ cho tôi biết, ba tôi đã mất cách đây ba năm. Anh em tôi một người đi Không Quân, lái trực thăng, đã chết trận, người kia là Đại úy Biệt Động Quân, đóng ở Long Bình, sau 30 tháng Tư 1975 không thấy về nhà.

Tôi ở trong nhà suốt mấy ngày trời, hai mẹ con cố gắng tìm cách nào để hợp thức hóa sự có mặt của tôi. Cuối cùng, mẹ tôi đã nghĩ ra cách giải quyết: Nhà tôi còn thân nhân ở lại ngoài Bắc. Tôi sẽ đóng vai chồng của đứa em họ ở Hà Nội vào Nam thăm gia đình. Mặc dù từ thuở nhỏ tôi chưa hề đóng kịch, nhưng đóng vai người ở ngoài Bắc vào Nam thì tôi rành đủ sáu câu.

Sau hơn mười lăm năm xa nhà, lại có thân hình gầy gò ốm yếu và cách phát âm đúng điệu Việt cộng, thêm bộ quần áo xanh công nhân mà ở trong Nam không thể có, nên ngay cả những người hàng xóm cũng không nhận ra tôi là ai?

Mọi chuyện được dàn xếp đâu vào đấy. Công an tổ dân phố cũng đã đến kiểm soát. Cái giọng Bắc chính cống Việt cộng, thêm bộ quần áo công nhân làm cho đám công an nể tôi lắm, không hỏi thêm bất cứ câu hỏi nào cả, cũng không thắc mắc tôi sẽ ở trong Nam bao lâu?

Nhưng không lẽ ông cháu rể cứ sống bám mãi ở trong Nam, không về Bắc? Tôi không thể nào đóng mãi vai này được, phải tìm cách khác giải quyết. Sau nhiều lần bàn cãi, mẹ tôi quyết định tìm đường cho tôi... Vượt Biên Tìm Tự Do.

Tháng 11 năm 1979, người quen với mẹ tôi giới thiệu một mối ở Long Xuyên. Tôi xuống dưới đó, lên thuyền. Ghe chở đầy... muối, đi Rạch Giá.

Buổi tối, ghe chuyển hướng nhắm cửa biển xả máy chạy thẳng.

Đi bốn ngày đêm, tàu của chúng tôi được một tàu buôn vớt, kéo tới Singapore.

Vài tuần lễ sau, phái đoàn Mỹ tới phỏng vấn tôi:

– “Anh là Biệt Kích được thả ra Bắc?”

– “Đúng”.

– “Anh có muốn định cư ở Mỹ hay không?”

– “KHÔNG!”

– “Tại sao anh là Biệt kích mà lại không muốn đi Mỹ?”

- “Tại vì chính quyền Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa, nên chúng tôi mới bị thua trận”.
- “Trong thời gian ở tù tại miền Bắc, anh có thấy bất cứ tù nhân Mỹ nào hay không?”
- “Có”.
- “Tôi đại diện cho chính phủ Mỹ, xin mời anh tới định cư ở Mỹ. Anh có thể cung cấp cho chúng tôi tin tức về những người tù binh Mỹ mà anh đã gặp, chúng tôi phải cứu dân của chúng tôi”.
- “Cám ơn ông đã mời, nhưng tôi không xin đi Mỹ đâu. Còn về tù binh Mỹ, ông cứ việc hỏi, tôi sẽ trả lời”.
- “Rất tiếc, tôi không phải là người làm nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo. Tôi sẽ báo cáo trường hợp của anh cho cấp trên để họ cử người xuống gặp anh”.
- “Vậy khi nào những người thu thập tin tức đó tới, tôi sẽ nói cho họ hay”.

Tôi được chính phủ Hòa Lan chấp thuận cho định cư ở nước họ. Đúng bốn tháng trời ở trại tỵ nạn, tôi lên máy bay tới Hòa Lan.

Bốn chục tuổi đời, tôi vẫn còn... Độc Thân Vui Tính.

Hai tháng sau khi tới Hòa Lan, tôi nhận được thư của Tòa Đại Sứ Mỹ... mời qua Mỹ gặp Đại tướng Smith của Biệt Kích Mỹ. Vì tôi là người Biệt Kích Nhảy Bắc đầu tiên vượt thoát được lao tù Việt cộng, nên họ muốn nhờ tôi cung cấp những chi tiết cần thiết cho họ, mọi chi phí di chuyển, ăn ở... trong thời gian 6 tuần lễ tại Mỹ đều do toán này lo liệu.

Tất cả những câu trả lời về các trại giam Biệt Kích, tôi đều trả lời đầy đủ.

Toán đặc nhiệm về tù binh Mỹ hỏi tôi có gặp bất cứ tù nhân Mỹ nào bị giam ở Bắc Việt hay không?

Tôi cho biết, khi sửa chữa những nhà tù ở Hà Nội, tôi có thoáng thấy những tù binh Mỹ bị giam ở đó.

- “Có bao nhiêu tù binh Mỹ?”
- “Tôi không biết, chỉ thoáng thấy mà thôi, không được đứng lâu ở đó”.
- “Tên họ những người tù binh Mỹ?”

– “Cái đó tôi lại càng không thể biết được. Tôi đâu phải là công an Việt cộng đâu mà biết tên họ của những tù binh này”.

Cuối cùng, tôi đoán ra mục đích của chuyến đi của tôi: Mỹ chỉ muốn biết về số phận của những tù binh Mỹ bị giam ở Bắc Việt mà thôi. Rất tiếc, tù Biệt Kích không có giam chung với tù binh Mỹ, tôi chỉ xác nhận là có thấy những tù binh này mà thôi, ngoài ra, tôi không giúp gì thêm cho họ được cả.

Tôi trở về Hòa Lan, lập gia đình và tiếp tục cuộc sống tỵ nạn.

Đến năm 1984, Việt cộng bắt đầu trả tự do cho những Biệt Kích Miền Nam, tôi có gửi thư về nhờ gia đình tìm gặp một số bạn bè trong toán của tôi. Anh em Biệt kích vẫn liên lạc mật thiết với nhau, nên tôi tìm họ không khó. Tám hình đầu tiên trong đời mà anh em Biệt Kích chụp chung với nhau là tấm hình do Ninh “Côi” gửi cho tôi (Ninh mồ côi cha mẹ, lại chưa có bồ, nên chúng tôi đặt cho anh biệt hiệu “Mồ Côi”). Ninh lấy vợ, đám cưới có đầy đủ những Biệt Kích tới tham dự, họ chụp chung một tấm hình gửi cho tôi. Tấm hình này là gia sản độc nhất của cuộc đời Biệt Kích của tôi. Tôi sẽ giữ nó mãi mãi...

Từ năm 1987, 1991... 1992... 1974, bắt đầu chương trình HO, tất cả các Biệt Kích đều được đưa qua định cư tại Mỹ. Chúng tôi vẫn tiếp tục liên lạc với nhau để giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi của nhau.

Sau hơn mười năm ở Hòa Lan, với lý do đoàn tụ gia đình, gia đình nhỏ của tôi đã được bên vợ bảo lãnh qua Úc sinh sống từ năm 1998.

Năm 2007, lần đầu tiên anh em Biệt Kích Nhảy Bắc đã tổ chức cuộc hội ngộ tại Hoa kỳ. Tôi đã gặp lại những anh em cùng toán nhảy Bắc với tôi. Sau những hàn huyên tâm sự, chúng tôi dỡ sổ đời ra cùng ngồi lại tính toán với nhau.

Trong lần nhảy cuối cùng ra Bắc, toán của tôi có sáu người, chỉ một mình tôi bị bắt mà thôi. Năm anh em còn lại đã nhập vào những toán khác tiếp tục nhảy ra Bắc, một người tử trận trong khi giao tranh, hai người khác chết vì đói và lạnh ở trại tù Cổng Trời, còn ba người chúng tôi sống sót, đã gặp nhau và đang bàn tán với nhau đây.

Có một số người cho rằng, trước khi nhảy ra Bắc, anh em chúng tôi đều được lãnh trước... 12 tháng tiền tử!

Không. Không một ai trong đám Biệt Kích Nhảy Bắc của chúng tôi được nghe nói tới hoặc lãnh số tiền này cả.

Tính kỹ ra, mỗi kỳ nhảy toán, xác suất đều là... Năm Ăn Năm Thua. Vì tin vào xác suất này, chúng tôi mới dám ra đi, chứ nếu biết... Đi là Chết, chắc chắn là anh em chúng tôi sẽ không bao giờ đi, mặc dù can đảm chúng tôi có thừa. Cấp trên của chúng tôi đều cũng là

Lính, đều cũng là người, không lẽ họ đẩy chúng tôi vào chỗ chết một cách bình thản như vậy sao? Chắc chắn trên thế giới, chưa có toán Biệt Kích nào ra đi để chắc chắn nhận lấy cái chết. Như tôi đã nói ở trên, nhảy toán ra Bắc cũng chỉ là một cuộc hành quân, giống như những cuộc hành quân của những binh chủng khác trong quân đội mà thôi. Trước khi ra trận, ai cũng hy vọng trở về an toàn, Biệt Kích Nhảy Bắc cũng vậy, chúng tôi cũng hy vọng trở về an toàn. Sống chết là do số mạng, do sự rủi ro, sự nguy hiểm của chiến tranh mà thôi.

Chỉ từ năm 1966 trở đi, không hiểu vì lý do nào mà đa số anh em nhảy toán đều bị lộ, một số bị chết trong khi giao tranh, số còn lại đều bị bắt. Có thể là Sở Bắc đã bị bọn Việt cộng gài người vào, nên những toán sau đó mới bị lộ hình tích như vậy. Thật là đáng tiếc.

Tuy nhiên, chiến tranh là như vậy, chẳng có một quy luật nào cả.

Thắng một trận, chưa phải là hoàn toàn thắng.

Thua một trận, cũng không phải là hoàn toàn thua.

**BIỆT KÍCH LUÔN LUÔN HY VỌNG VÀO NGÀY MAI  
NGÀY MAI ĐÂY, ĐẠI QUÂN MIỀN NAM SẼ TRỞ LẠI.**

*BKQ Nguyễn Văn Hình*



**Chú Thích:**

Vào năm 1996, anh em Biệt Kích đã làm đơn khiếu nại lên Quốc Hội Mỹ xin bồi thường và lãnh tiền lương cho những tháng năm bị bắt giam tại Bắc Việt. Vì ngoài nhiệm vụ là người Lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, anh em còn ký hợp đồng cung cấp tin tức cho CIA nữa. Quý ông Sedgwick Tourison, Luật sư John Mattes, Thượng Nghị sĩ John McCain... là những người đã tích cực hỗ trợ và vận động cho anh em. Cuối cùng, vào năm 1999, Quốc Hội Hoa Kỳ đã chấp nhận bồi thường và cấp huy chương Phục Vụ cho tất cả các Biệt Kích Nhảy Bắc.

**MỘT NGÀY LÀ BIỆT KÍCH, CẢ ĐỜI LÀ BIỆT KÍCH.  
NGƯỜI LÍNH BIỆT KÍCH CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HOÀ CHÚNG TÔI, LÀ THẾ ĐÂY!**



---

*Nguồn: Internet eMail by Đoàn Hữu Định chuyển*

*Đăng ngày Thứ Năm, February 4, 2016  
Cập nhật ngày Thứ Tư, June 14, 2023 – Đối hình  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQT/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*